

HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18 /QĐ-HĐGSNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-TTg ngày 24/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28/3/2019 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở, được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-TTHĐGSNN ngày 30/6/2020 của Thường trực Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ đề xuất của các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành về Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của 28 Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành năm 2020 (danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

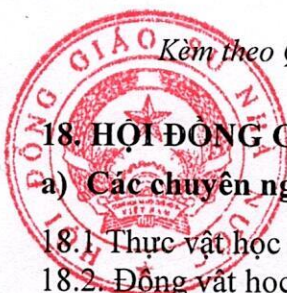
Điều 3. Các Chủ tịch Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành, Chủ tịch Hội đồng Giáo sư cơ sở năm 2020, Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Phó Chủ tịch HĐGSNN (để phối hợp);
- Các HĐGS ngành, liên ngành (để thực hiện);
- Các HĐGS cơ sở (để thực hiện);
- Lưu: VP.



GS. TS. Châu Văn Minh



Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

18. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH SINH HỌC

a) Các chuyên ngành (Specialization):

- | | |
|---|--|
| 18.1. Thực vật học (Botany) | 18.15. Sinh học thực phẩm (Food Biology) |
| 18.2. Động vật học (Zoology) | 18.16. Sinh học phân tử (Molecular Biology) |
| 18.3. Ký sinh trùng học (Parasitology) | 18.17. Nhân chủng học (Anthropology) |
| 18.4. Côn trùng học (Entomology) | 18.18. Công nghệ sinh học (Biotechnology) |
| 18.5. Sinh thái học (Ecology) | 18.19. Sinh học đất (Soil Biology) |
| 18.6. Vi sinh vật học (Microbiology) | 18.20. Tin sinh học (Bioinformatics) |
| 18.7. Sinh lý người và động vật (Human & Animal Physiology) | 18.21. Sinh học bảo tồn (Conservation Biology) |
| 18.8. Sinh lý thực vật (Plant Physiology) | 18.22. Sinh nông học (Agrobiology) |
| 18.9. Hóa sinh học (Biochemistry) | 18.23. Sinh y học (Medical Biology) |
| 18.10. Lý sinh học (Biophysics) | 18.24. Sinh dược học (Pharmaceutical Biology) |
| 18.11. Di truyền học (Genetics) | |
| 18.12. Tế bào, mô, phôi (Cytology, Hystology & Embryology) | |
| 18.13. Thủy sinh vật học (Hydrobiology) | |
| 18.14. Sinh học môi trường (Environmental Biology) | |

b) Danh mục các tạp chí được tính điểm:

Số TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế *		Tạp chí	SCIE, IF ≥ 2 nhóm $\frac{1}{2}$ đầu Q1, đã được trích dẫn ≥ 20 lần (không tính tự trích dẫn)	2,0–3,0
			Tạp chí	SCIE thuộc nhóm Q1, Q2	1,0– 2,0
			Tạp chí	SCIE, Scopus thuộc nhóm Q3, Q4	1,0 – 1,5
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác **		Tạp chí	Do HĐGS ngành quyết định từng trường hợp cụ thể.	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN.	0 – 1,0

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phân biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN.	0 – 0,5
5.	Vietnam Journal of Science and Technology (Tên cũ: Khoa học và Công nghệ)	0866-708X 2525-2518	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 – 1,0 0 – 1,25 từ 2020
6.	VNU Journal of Science (Cũ: Tạp chí Khoa học hoặc Tạp chí Khoa học: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ)	0866-8612 (cũ) 2615-9260 e-2588-1086 (mới)	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0
7.	Phát triển Khoa học – Công nghệ	1859-0128	Tạp chí	ĐH Quốc gia TP. HCM	0 – 1,0
8.	Sinh học	0866-7160	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 – 1,0
9.	Công nghệ Sinh học	1811-4989	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 – 1,0
10.	Journal of Science, Technology and Engineering	2525-2461	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,5 từ 2019 0 – 1,0 từ 2020
11.	Khoa học: Khoa học Tự nhiên	1859-1388	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2016
12.	Khoa học và Công nghệ	1859-2171 e-2615-9562	Tạp chí	Đại học Thái nguyên	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2016
13.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam (B)	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2017 0 – 0,75 từ 2020
14.	Khoa học	0868-3719	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2020
15.	Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)	0866-7144	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 – 0,5
16.	Di truyền học và ứng dụng	0866-8566	Tạp chí	Hội Di truyền học VN	0 – 0,5
17.	Khoa học	1859-2333	Tạp chí	Trường ĐH Cần Thơ	0 – 0,5
18.	Khoa học	1859-2228	Tạp chí	Trường ĐH Vinh	0 – 0,5

Kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

19.	Khoa học và Công nghệ các trường đại học kỹ thuật	2354-1083	Tạp chí	Trường ĐH Bách khoa Hà Nội	0 – 0,5
20.	Khoa học và Công nghệ Biển	1859-3097	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam	0 – 0,5
21.	Khoa học và Công nghệ Thủy sản	1859-2252	Tạp chí	Trường ĐH Nha Trang	0 – 0,5
22.	Khoa học kỹ thuật Nông – Lâm nghiệp	1859-1523	Tạp chí	Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	0 – 0,5
23.	Khoa học và Phát triển	1859-0004	Tạp chí	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	0 – 0,5
24.	Sinh lý học	1859-2376	Tạp chí	Tổng hội Y học VN, Hội Sinh lý học VN	0 – 0,5
25.	Phân tích Hoá, Lý và Sinh học	0868-3224	Tạp chí	Hội KHKT Phân tích Hóa – Lý – Sinh VN	0 – 0,5
26.	Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam	1859-1558	Tạp chí	Viện Khoa học Nông nghiệp VN	0 – 0,5
27.	Bảo vệ thực vật	0868-2801	Tạp chí	Viện Bảo vệ Thực vật – Cục Bảo vệ Thực vật	0 – 0,5
28.	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tên cũ: Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp; Nông nghiệp và công nghiệp Thực phẩm, Lâm nghiệp, Thủy lợi, Kinh tế nông nghiệp)	Mới: 1859-4581 Cũ: 0866-7020	Tạp chí	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	0 – 0,5
29.	Dược liệu	0868-3859	Tạp chí	Viện Dược liệu, Bộ Y tế	0 – 0,5
30.	Dược học	0866-7861	Tạp chí	Bộ Y tế	0 – 0,5
31.	Nghiên cứu Y học	0868-202X	Tạp chí	Trường ĐH Y Hà Nội	0 – 0,5
32.	Phòng chống sốt rét và các bệnh ký sinh trùng	0868-3735	Tạp chí	Viện SR, KST & CT	0 – 0,5
33.	Y học TP. HCM	1859-1779	Tạp chí	ĐH Y Dược TP. HCM	0 – 0,5
34.	Khoa học Lâm nghiệp	1859 – 0373	Tạp chí	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	0 – 0,5
35.	Khoa học & Công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 – 0,5

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

36.	Khoa học và Công nghệ (tên cũ: Đại học Công nghiệp)	2525-2267	Tạp chí	Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM	0 – 0,5
37.	Khoa học	1859-3100	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm TP. HCM	0 – 0,5
38.	Khoa học và Công nghệ Nhiệt đới	0866-7535	Tạp chí	Trung tâm Nhiệt đới Việt – Nga	0 – 0,5 từ 2016
39.	Khoa học	0866-787X	Tạp chí	Trường Đại học Đà Lạt	0 – 0,5 từ 2019
40.	Khoa học: Khoa học Y- Dược	2615-9309 e-2588-1132	Tạp chí	ĐH Quốc gia Hà Nội	0–0,5
41.	Rừng và Môi trường	1859-1248	Tạp chí	Hội khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp Việt Nam	0 – 0,25
42.	Y học Việt Nam	1859-1868	Tạp chí	Tổng hội Y học VN	0 – 0,25
43.	Y học thực hành	1859-1663	Tạp chí	Bộ Y tế	0 – 0,25
44.	Y Dược học cổ truyền Việt Nam	1859-1752	Tạp chí	Bệnh viện Y học Cổ truyền Trung ương	0 – 0,25
45.	Khoa học – Kỹ thuật Thú Y	1859-4751	Tạp chí	Hội KHKT Thú y Việt Nam	0 – 0,25
46.	Khoa học – Kỹ thuật Chăn nuôi	1859-476X	Tạp chí	Hội KHKT Chăn nuôi Việt Nam	0 – 0,25
47.	Tài nguyên và Môi trường	1859-1477	Tạp chí	Bộ Tài nguyên và Môi trường	0 – 0,25
48.	Khoa học Đại học Sài Gòn	1859-3208	Tạp chí	Trường ĐH Sài Gòn	0 – 0,25
49.	Khoa học Công nghệ và Thực phẩm	0866-8132	Tạp chí	Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2020
50.	Khoa học	1859-3453	Tạp chí	Trường ĐH Mở TP. HCM	0 – 0,25
51.	Khoa học (Tên cũ: Khoa học & Giáo dục)	1859-1612	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm, ĐH Huế	0 – 0,25 từ 2016
52.	Khoa học	1859-2325	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2	0 – 0,25 từ 2016
53.	Môi trường	1859-042X	Tạp chí	Tổng Cục Môi trường	0 – 0,25 từ 2017
54.	Khoa học Đất	0868-3743	Tạp chí	Hội Khoa học Đất Việt Nam	0 – 0,25 từ 2017

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

55.	Khoa học	1859-4611	Tạp chí	Trường ĐH Tây Nguyên	0 – 0,25 từ 2017
56.	Khoa học Đại học Thủ Dầu Một	1859-4433	Tạp chí	Trường ĐH Thủ Dầu Một	0 – 0,25 từ 2017
57.	Khoa học	2354-1091	Tạp chí	Trường ĐH Tây Bắc	0 – 0,25 từ 2017
58.	Khoa học	1859-0357	Tạp chí	Trường Đại học Quy Nhơn	0 – 0,25 từ 2019
59.	Khoa học và Công nghệ	2354-0842	Tạp chí	Trường ĐH Khoa học-Đại học Huế	0 – 0,25 từ 2019
60.	Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân	1859-4905	Tạp chí	Trường Đại học Duy Tân	0 – 0,25 từ 2019
61.	Khoa học ĐH Huế: Nông nghiệp và phát triển nông thôn	2588-1191	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,25 từ 2019
62.	Khoa học Đại học Huế: Kỹ thuật và Công nghệ	2588-1175 e- 2615-9732	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,25 từ 2020
63.	Kiểm nghiệm và An toàn thực phẩm	2615-9252	Tạp chí	Viện Kiểm nghiệm An toàn vệ sinh Thực phẩm Quốc gia	0 – 0,25 từ 2020

Ghi chú:

(*) Nội dung bài báo bảo đảm học thuật, hợp hiến và hợp pháp.

(**) Có HD Biên tập quốc tế, bài đăng có chuyên môn phù hợp; HĐGS ngành Sinh học có thể xem xét tính vượt quá 1,0 điểm đối với những bài báo đăng trên tạp chí có chất lượng cao hơn tạp chí hàng đầu của quốc gia).

c) Nhà xuất bản có uy tín

- Nhà xuất bản quốc tế có uy tín: HĐGS ngành Sinh học xem xét và quyết định từng trường hợp cụ thể căn cứ tiêu chuẩn NXB có uy tín theo Quyết định 37/2018-QĐ-TTg.

- Các nhà xuất bản uy tín trong nước: Khoa học và Kỹ thuật; Giáo dục Việt Nam; Y học; Nông nghiệp; Khoa học Tự nhiên và Công nghệ; ĐH Quốc gia Hà Nội; ĐH Quốc gia TpHCM; ĐH Đà Nẵng; ĐH Huế; ĐH Thái Nguyên; ĐH Sư phạm; Học viện Nông nghiệp; các nhà xuất bản khác do HĐGS ngành Sinh học quyết định (không tính các NXB địa phương).